

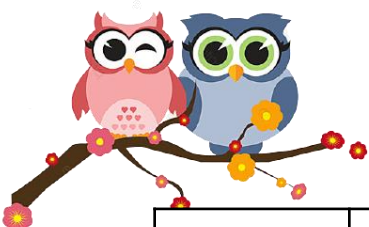


Hành trang cho Bé Vào Lớp 1

VỞ LUYỆN ĐỌC BẢNG VẦN

	a	c	ch	e/ê	i	m	n	ng	nh	o/ơ	p	t	u	y
a		ac	ach		ai	am	an	ang	anh	ao	ap	at	au	ay
ă		ăc				ăm	ăn	ăng			ăp	ăt		
â		âc				âm	ân	âng			âp	ât	âu	ây
e						em	en	eng		eo	ep	et		
ê			êch			êm	ên		ênh		êp	êt	êu	
i	ia		ich			im	in		inh		ip	it	iu	
o	oa	oc		oe	oi	om	on	ong			op	ot		
ô		ôc			ôi	ôm	ôn	ông			ôp	ôt		
ơ					ơi	ơm	ơn				ơp	ơt		
u	ua	uc		uê	ui	um	un	ung		uơ	up	ut		uy
ư	ưa	ưc			ưi			ưng				ưt	ưu	

Họ và tên:



Bảng chữ cái

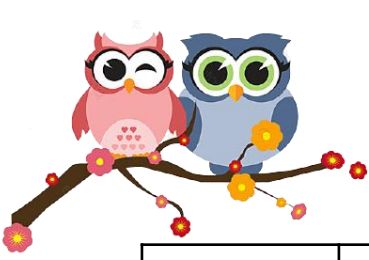
a (a)	ă (á)	â (ố)	b (bờ)	c (cờ)	d (dờ)
đ (đờ)	e (e)	ê (ê)	g (gờ)	h (hờ)	i (i)
k (ca)	l (lờ)	m (mờ)	n (nờ)	o (o)	ô (ô)
ơ (ơ)	p (pờ)	q (cu)	r (rờ)	s (sờ)	t (tờ)
u (u)	ư (ư)	v (vờ)	x (xờ)	y (y)	

Phụ âm ghép

ch (chờ)	tr (trờ)	th (thờ)	ph (phờ)	kh (khờ)	qu (quờ)
gi (gi)	gh (gờ)	nh (nhờ)	ng (ngờ)	ngh (ngờ)	

Làm quen với dấu thanh

 (sắc)	 (huyền)	 (hỏi)	 (ngã)	 (nặng)
--	--	--	--	---

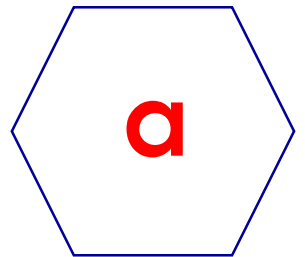
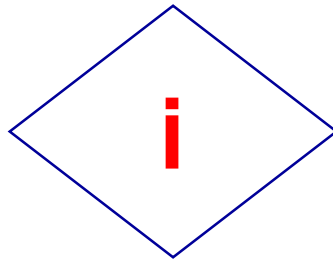
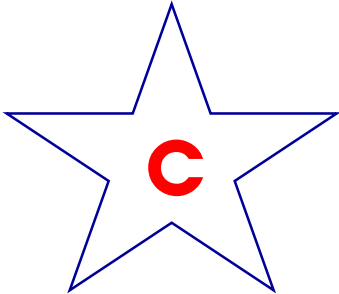
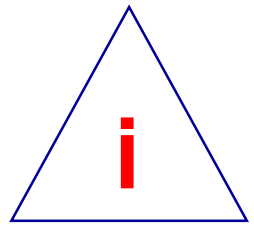
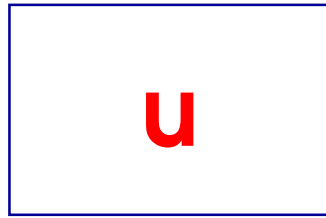
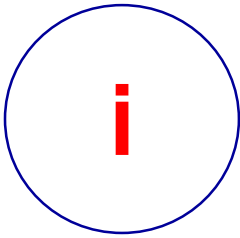


Bài: i (I)

					
i	í	ì	ỉ	ĩ	!

Luyện tập:

1. Tô màu hình có âm i



2. Nối



quả ớt



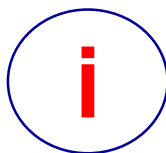
hòn bi



bát mì



quả bí



cái ví



Bài: t (T)

t	ti	tì	tí	tỉ	tĩ	tị
Tù	ti ti tí ti tì tí					
Câu	tí tị tì ti					

Luyện tập:

1. Nối



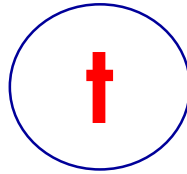
con tôm



bàn tay



quả táo



xe ô tô



con cua

2. Đọc - nối

ti tí

tí ti

tí tị tì ti





Bài: u (U)

u	u	ù	ú	ủ	ũ	ụ
	tu	tù	tú	tủ		tụ
Từ	tu ti tu tu tù tì					
Câu	tủ tí ti					

Luyện tập:

Gạch chân tiếng có âm u



đu đủ



cá thu



củ từ



con cú



lá thư



con cua



Bài: ư (Ư)

ư	ư	ừ	ứ	ử	ữ	ự
	tư	từ	tứ	tử		tự
Từ	từ từ tứ tử					
Câu	từ tí ti Tứ tu ti					

Luyện tập:

1. Nối



lá thư



sư tử



con cá



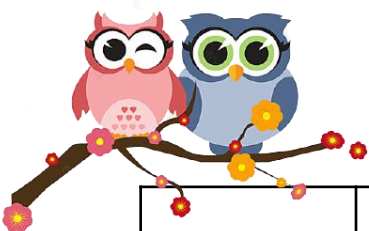
thứ tư

2. Đọc - nối

từ từ

tứ tử



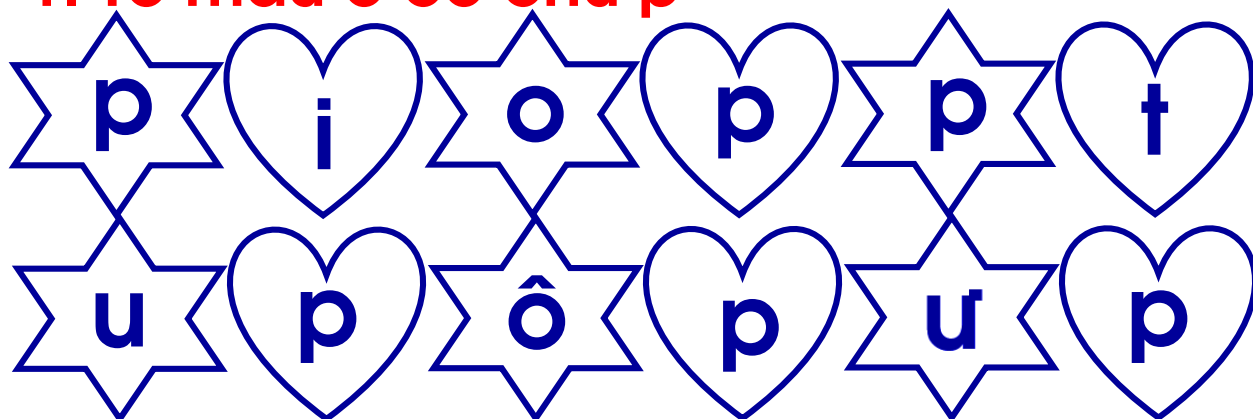


Bài: p (P)

p	i	pi	pì	pí
	u	pu	pù	
	ư	pư	pừ	
Từ	pi pi pi pu pí pù pư pư			

Luyện tập:

1. Tô màu ô có chữ p



2. Nối:



cái trống



piano



đèn pin



pin con thỏ

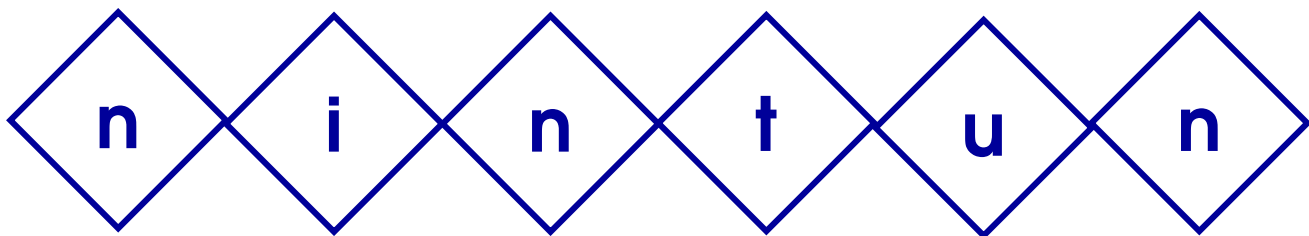


Bài: n (N)

n	i	ni	nì	ní	nỉ		nị
	u	nu	nù	nú			nụ
	ư	nư	nừ	nứ		nữ	
Từ	ni nỉ nữ tu		nù nũ nữ tử		nú nù tứ nứ		
Câu	nụ tí ti				nụ ti tỉ		

Luyện tập:

1. Tô màu ô có chữ n



2. Gạch chân từ có chữ n



cái nơ



mũ nỉ



cây nấm



cà rốt



quả na



Bài: m (M)

m	i	mi	mì	mí	mỉ	mĩ	mị
	u	mu	mù	mú	mủ	mũ	mụ
	ư	mư	mừ	mứ			
Từ	tỉ mỉ mũ nỉ mĩ nữ tù mù mụ mị						
Câu	Tú tỉ mỉ mũ nỉ tí ti						

Luyện tập:

1. Nối



quả me



cái mũ



mèo tôm



cá mè



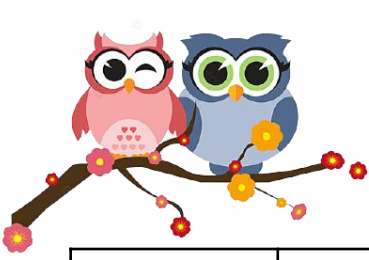
con ong

2. Đọc - nối

tỉ mỉ

mũ nỉ



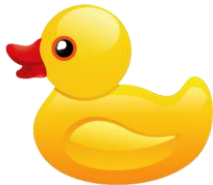


Bài: v (V)

v	i	vi	vì	ví	vỉ	vĩ	vị
	u	vu	vù	vú		vũ	vụ
	ư	vư	vừ				
Từ	vi vu vù vù			vù vù tì vì			
Câu	ví tí tì			tì vì vù vù			

Luyện tập:

1. Nối



con vịt



cái ví



con voi



cái vung



con vẹt

2. Đọc - nối

vù vù



tì vì





Bài: s (S)

s	i	si	sì	sí	sỉ	sĩ	
	u	su	sù	sú			sụ
	ư	sư		sứ	sử		sự
Từ	su su sư tử tử sứ sì sì sù sụ						
Câu	sư tử ư ử, ử rū.						

Luyện tập:

1. Nối



ngôi sao



hoa sen



sư tử



con sâu



ông trăng

2. Đọc - nối

sư tử



su su



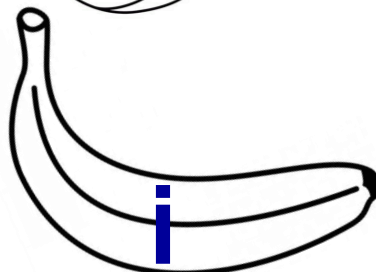
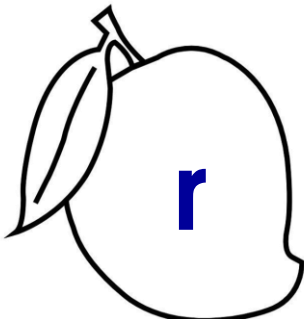
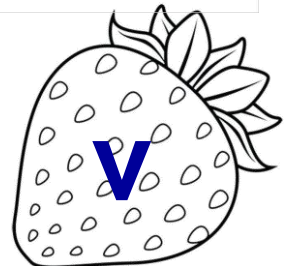
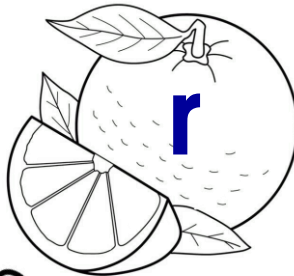
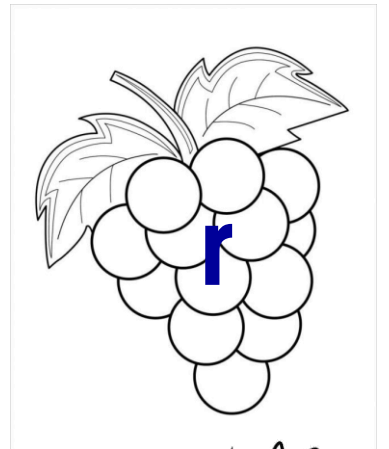
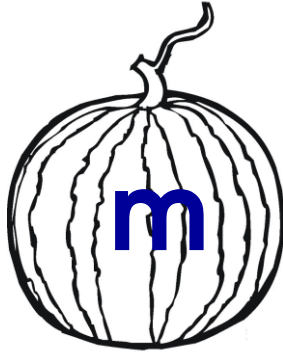
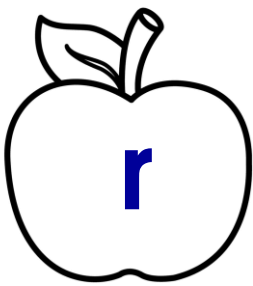


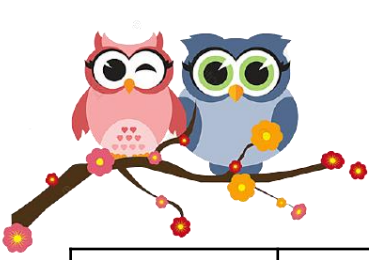
Bài: r (R)

r	i	ri	rì	rí	rỉ	rĩ	
	u	ru	rù	rú	rủ	rũ	rụ
	ư	rư					
Từ	rù rì						

Luyện tập:

1. Tô màu quả có chữ r





Bài: tr (Tr)

tr	i	tri	trì	trí	trỉ	trĩ	trị
	u	tru	trù	trú			trụ
	ư	trư	trừ	trứ		trữ	
Từ	vũ trụ vị trí trị vì tứ trụ trụ trì						
Câu	sư trụ trì tử mĩ						

Luyện tập: 1. Nối



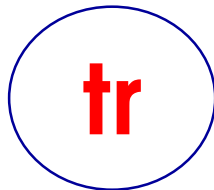
tre



cá trê



cái trống



cái rổ



con trâu



Bài: o (O)

Tù	vỗ sĩ vỏ sò mũ to	tò vò tủ to tò mò	vò vồ rò rỉ
Câu	ò ó o	Vũ tò mò	

Luyện tập:

1. Nối



con bò



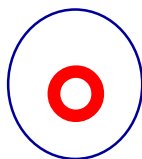
con ong



con cò



tổ chim



con thỏ



đám cỏ

2. Đọc - nối



tò mò

vỏ sò

vo vo

tò vò



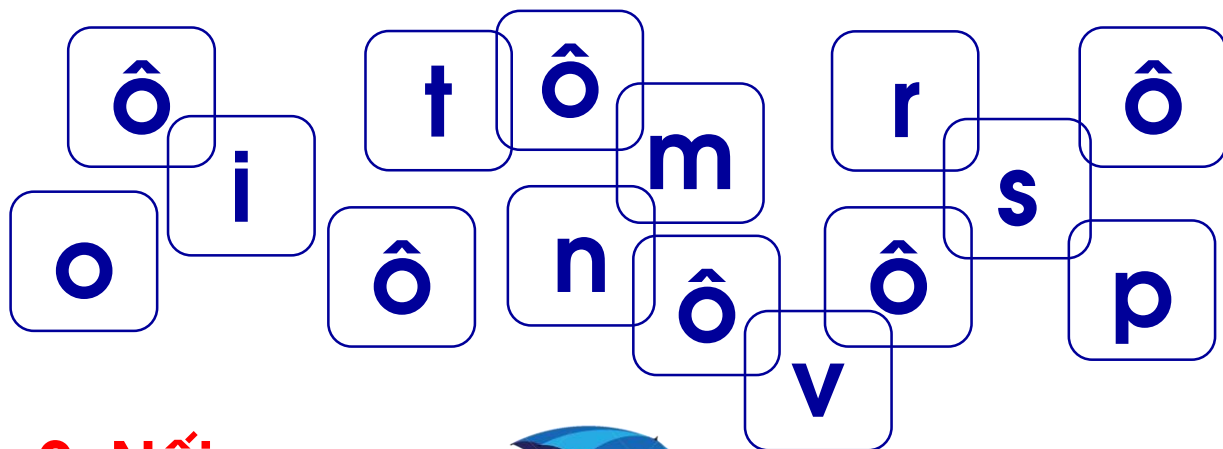


Bài: ô (Ô)

Tù	vô số ô tô sĩ số	tô mì mô tô rổ sò	ô mô ô to
Câu	Ồ, tổ tò vò to to.		

Luyện tập:

1. Tìm khoanh tròn vào chữ ô



2. Nối



ô tô



tổ chim



cái ô



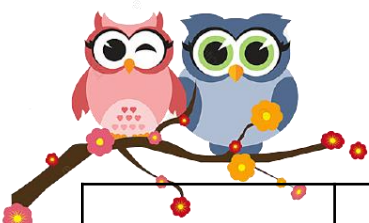
con hổ



ô mô



con dế



Bài: ơ (Ơ)

Tù	mở vở vỡ tổ nơ to	rổ mơ sổ nợ sờ sợ	mờ tỏ vở tô nở rộ
Câu	Vi sợ tò vò ở tủ Tú tò mò, Tú mở tủ Tí mở vở Tò vò vỡ tổ		

Luyện tập:

1. Nối



cái nơ



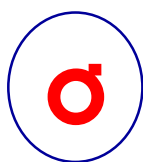
quả mơ



bút vở



quả ớt



quả cam



cá cờ

2. Đọc - nối

Nở rộ

Tí mở vở

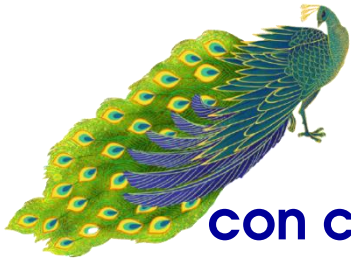
Tò vò vỡ tổ



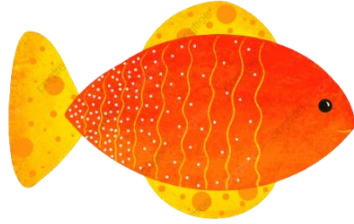


Luyện tập:

1. Nối



con công



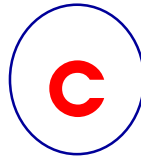
con cá



quả ổi



cái cặp



quả cam



hoa cúc

2. Đọc - nối

tổ cò

cổ cò

cô có vớ





Luyện tập:

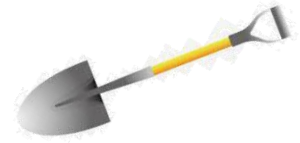
1. Nối



cái xương



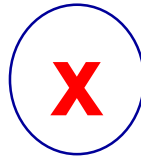
xe đạp



cái xẻng



con gà

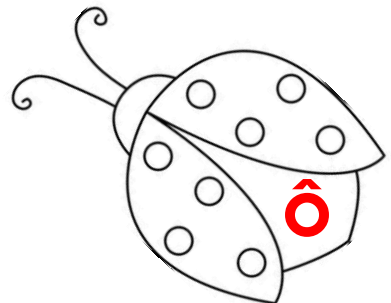
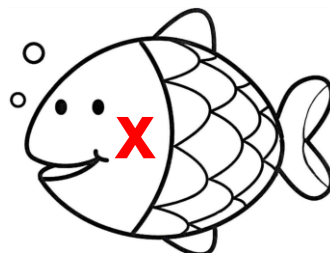
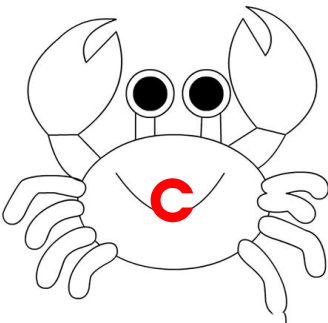
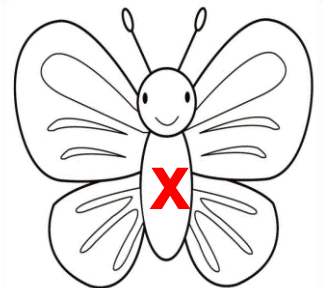
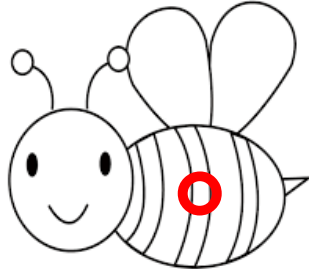
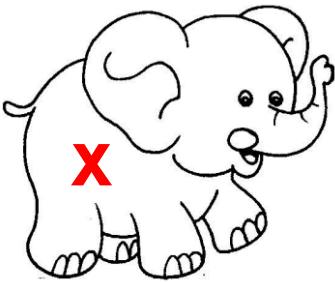


cái xô



xe lu

2. Tô màu hình có chữ x





Bài: e (E)

Từ	vò vẽ rè rè vé xe vẽ ve xe cộ mẹ vẽ se sẽ ve ve vở vẽ té xe xé vở xe mô tô vo ve
Câu	- Ve vẽ vẽ ve. - Nụ vẽ ve, vẽ xe mô tô, vẽ cờ, vẽ ti vi, vẽ tổ tò vò. - Mơ có vở vẽ, mơ vẽ xe cộ, vẽ rối su su.



Luyện tập:

1. Nối



quả me



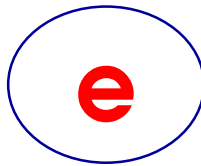
xe đạp



con ve



em bé



tô vẽ



quả nho

2. Đọc - nối

se sẻ

vo ve

ve vè vè ve



Tú có vở vẽ

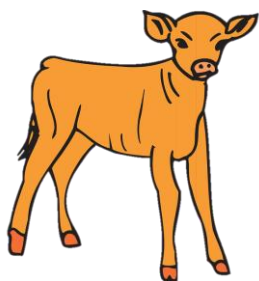


Bài: ê (Ê)

Từ	tê tê tủ tế tự vệ	vồ về sồ sẽ mẹ về	no nê rề mơ
Câu	- Mẹ vỗ về tí - Tí no nê - Cô Tú có rề mơ - Tre có rề to, xù xì. Cò có tổ ở, cò về.		

Luyện tập:

1. Nối



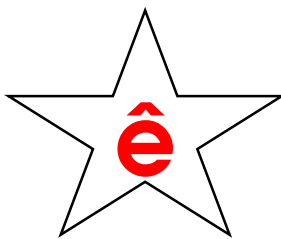
con bê



quả táo



con dê



con ếch



búp bê



quả lê



Bài: a (A)

t	a	ta	tà	tá	tả	tã	tạ
p	a	pa					
n	a	na	nà	ná	nả	nã	nạ
m	a	ma	mà	má	mả	mã	mạ
c	a	ca	cà	cá	cả	cã	cạ
v	a	va	và	vá	vả	vã	vạ
r	a	ra	rà	rá	rả	rã	rạ
s	a	sa	sà	sá	sả	sã	sạ
x	a	xa	xà	xá	xả	xã	xạ

cá rô	rồ rá	rễ na	cá cờ
củ sả	xẻ ra	ra rả	xe ca
xa xa	na to	ca nô	piano
pa nô	cá mè	củ tạ	ca sĩ

- Mẹ có cà, có na, có mơ, có cả
rồ cá to: cá mè, cá rô, cá cờ, cá
trê...

- Cô Mơ có ti vi, có xe mô tô, có
cả xe ô tô to.



Luyện tập:

1. Nối



cái ca



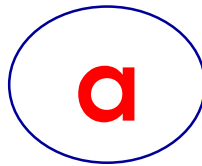
con gà



quả cà



con cá



quả na



con mực

2. Đọc - nối

củ tạ

má có cà

rổ rá

cò mò cá





Bài: d (D)

d	i	di	dì	dí	dỉ	dĩ	dị
	u	du	dù	dú		dũ	dụ
	ư	dư	dừ	dứ	dử	dữ	dự
	o	do	dò	dó	dỏ		dọ
	ô	dô	dồ			dồ	
	ơ	dơ	dờ		dở	dỡ	dợ
	e	de	dè		dẻ	dễ	dẹ
	ê	dê	dề	dể	dễ	dễ	
	a	da	dà			dã	dạ

da cá

da dê

e dè

do dự

ô dù

da dẻ

dụ đồ

cô dì

dì na

dỡ củ mì

ví da

dô ta

- Dì Na có ví da

- Mẹ dỡ củ mì.

- Mẹ và dì Na có tù và.



Luyện tập:

1. Nối



con dê



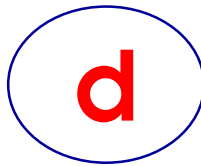
cái kéo



quả dâu



quả dứa



đôi dép



con dao

2. Đọc - nối

ô dù

dô ta

dụ đồ





Bài: đ (Đ)

Từ	đu đủ đỏ đỏ đá đỏ đi sứ da đỏ	đồ đồ đổ đá nơ đỏ ra-đi-ô đồ cổ	đi dò đá để rễ đa ra đa đồ sứ
Câu	- Dì Na đi dò, mẹ đi ca nô, cu tí đi xe ô tô, em đi xe mô tô. Mẹ đổ Na để Na đi đò đồ e dè. - Xe ô tô đi từ từ để đổ đá ở đê.		



Luyện tập:

1. Nối



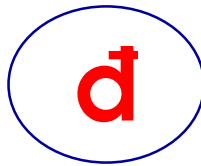
đu đủ



quả đào



cái đàn



cái đèn



quả xoài



đôi giày

2. Đọc - nối



đá đỏ

dì đi dò

ra-đi-ô

tí đi ô tô





Bài: q – qu (Q – Qu)

qu	a	qua	quà	quá	quả		quạ
	ơ	quơ	quờ		quở		
	e	que	què	qué	quẻ	quẽ	
	ê	quê		quế			
Từ	quạ quà quê quả mơ xa quá quả cà cá quả						
	Quà quê Dì Mơ ở quê, dì có mơ, na, quế, cá quả. Vì mê ở quê mà quê xa quá. Na về quê, Na đi ra dê. Ở dê có đá, có cả tre. Cứ có quà của dì Mơ từ quê, đã quá đi.						

Luyện tập:

1. Điền qu – c vào chỗ chấm



.....ả nhỏ



giỏà



.....ảà



Bài: l (L)

l	i	li	lì	lí			lị
	u	lu	lù	lú		lũ	
	ư	lư	lừ		lử	lữ	lự
	o	lo	lò	ló			lọ
	ô	lô	lồ	lố		lỗ	lộ
	ơ	lơ	lờ	lớ	lở	lỡ	lợ
	e	le	lè	lé	lẻ	lẽ	lẹ
	ê	lê	lề			lề	lệ
	a	la	là	lá	lả	lã	lạ

le le lơ là lá đa lá cờ
lọ cà xe lu lê la đi lễ
lì ti lù lù lí do xa lạ
lỡ đồ lễ vở lò xo la cà

- Xe lu đi lễ mẹ.
- Mẹ có lọ cà, Tú có lá cờ.
- Dì Lê về quê đi lễ. Dì có quà là quả na, quả lê. Mẹ về quê cả dì Lê, mẹ lỡ đồ, mẹ đi ca nô về.



Luyện tập:

1. Nối



củ lạc



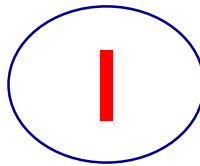
cái lá



quả lê



cái lều



ngọn lửa



bông hoa

2. Đọc - nối

lí do

xe lu



lá cờ



le le



Bài: b (B)

b	i	bi	bì	bí	bỉ	bĩ	bị
	u	bu	bù	bú		bũ	bụ
	ư	bư					bự
	o	bo	bò	bó	bỏ	bõ	bọ
	ô	bô	bồ	bố	bổ	bỗ	bộ
	ơ	bơ	bờ	bớ	bở	bỡ	bợ
	e	be	bè	bé	bẻ	bễ	bẹ
	ê	bê	bề	bế	bể	bễ	bệ
	a	ba	bà	bá	bả	bã	bạ

bi bô bỏ bê bố mẹ ba má
bệ vệ ba ba to bự bí đỏ
bò bê bờ đê ba lô bể cá

- Bò bê có bó cỏ.
- Bố, mẹ, bà và bé đi ô tô về quê,
đi qua bờ đê bé cứ bi bô: bà bế
bé. Về quê, bé Na la cà ở bờ đê.
Ở đê có quả bí đỏ to bự, có cả dê
và bê, mẹ à!



Luyện tập:

1. Nối



quả bóng



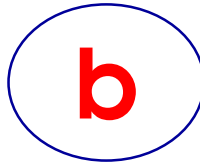
bập bênh



viên bi



cái rổ



con bò



bình sữa

2. Đọc - nối

ba lô



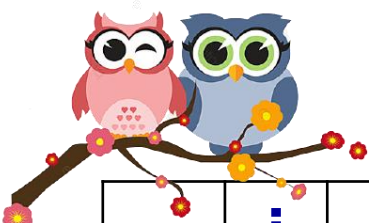
bà bế bé



bí đỏ



bé bi bò



Bài: h (H)

h	i	hi	hì	hí	hỉ	hĩ	hị
	u	hu	hù	hú	hủ	hũ	hụ
	ư	hư	hừ		hử		hự
	o	ho	hò				họ
	ô	hô	hồ	hố	hổ	hỗ	hộ
	ơ	hơ	hờ	hớ	hở		
	e	he	hè	hé			hẹ
	ê	hê	hề	hế		hễ	hệ
	a	ha	hà	há	hả		hạ

hả hê

hè về

bé ho

hà mã

bờ hồ

bé hà

hổ dữ

hồ cá

hé mở

hạ cờ

lá hẹ

he hé

lọ hồ

lề hề

- Ve ve ve, hè về.

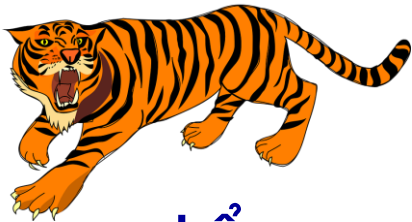
- Mẹ và bé ra bờ hồ. Ở hồ có cá to.

- Bé Hà bị ho, bà bế bé, dỗ bé, vỗ về bé. Mẹ lo, mẹ có lá hẹ ở bờ hồ trị ho bà ạ.



Luyện tập:

1. Nối



con hổ



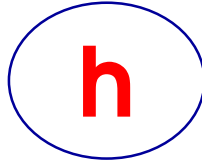
hoa sen



con hươu



bé múa



ca hát

2. Đọc - nối



hè về

bé bị ho

hà mã

bờ hồ





Bài: th (Th)

th	i	thi	thì	thí	thỉ		thị
	u	thu	thù	thú	thủ		thụ
	ư	thư	thừ	thứ	thử		thự
	o	tho	thò	thó	thỏ		thọ
	ô	thô	thồ	thố	thở		
	ơ	thơ	thờ	thờ	thở		thợ
	e	the	thè	thé	thẻ		
	ê	thê	thề	thế	thể		thệ
	a	tha	thà	thá	thả		

trẻ **thơ**

thi vẽ

thả cá

thỏ **thẻ**

tha **thứ**

thủ đô

thợ mỏ

thơ ca

lá **thư**

cá **thu**

thứ tự

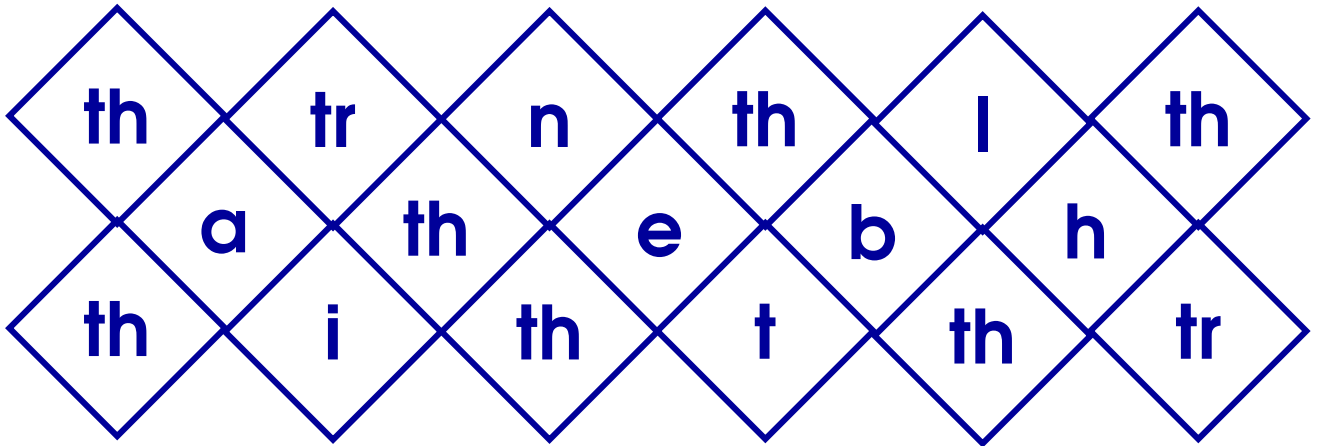
xe **thồ**

- Bố bé là **thợ** mỏ. Mẹ bé là **thợ** nề.
- Cá mè **thì** to, cá cờ **thì** bé.
- **Thứ** ba, bé Na **thi** vẽ: bé vẽ cờ, vẽ cá **thu**, vẽ **thủ** đô, vẽ đồ lễ... Bé mê quá, bé vẽ đủ **thứ**.



Luyện tập:

1. Tô màu ô có âm th



2. Điền tr – th vào chỗ chấm



.....ứ tư



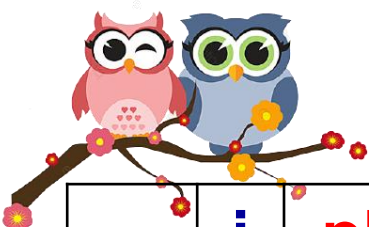
cáê



cáu



.....ẻơ



Bài: nh (Nh)

nh	i	nhì	nhì	nhí	nhỉ	nhĩ	nhị
	u	nhu		nhú	nhủ	nhũ	
	ư	như	nhừ		nhử	nhữ	
	o	nhô	nhò	nhó	nhỏ		nhọ
	ô	nhô		nhố	nhỏ		
	ơ	nhơ	nhờ	nhớ	nhở	nhỡ	nhợ
	e	nhe	nhè	nhé		nhẽ	nhẹ
	ê	nhê	nhề	nhế	nhể	nhẽ	
	a	nha	nhà	nhá	nhả	nhã	nhạ

nhà thờ
nhè nhẹ
nhà trọ

nhỏ cỏ
nhà lá
nhà thơ

nhớ nhà
nhà trẻ
nhỏ nhỏ

Nhà cô Nhã

Nhà cô Nhã ở bờ hồ. Hồ nhỏ, nhà
nhỏ nhỏ. Hồ có cá mè, ba ba. Nhà
có na, nhỏ, thị.



Luyện tập:

1. Gạch chân tiếng có âm nh



quả na



nhà



nhổ cỏ



nhị



ca nô



nhà thờ

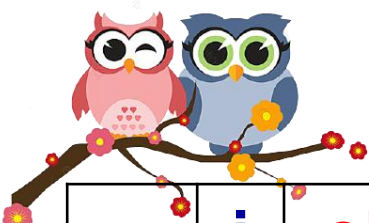
2. Điền nh – qu vào chỗ chấm



.....ủo



to,ỏ



Bài: ch (Ch)

ch	i	chi	chì	chí	chỉ		chị
	u	chu	chù	chú	chủ	chũ	
	ư	chư	chừ	chứ	chử	chữ	
	o	cho	chò	chó		chõ	
	ô	chô				chồ	chộ
	ơ	chơ	chờ	chớ	chở		chợ
	e	che	chè	ché	chẻ	chẽ	
	ê	chê	chề	chế			chệ
	a	cha	chà		chả	chã	chạ

cha mẹ
 che chở
 chỉ trở
 chữ số
 chõ ở

đi chợ
 chú rể
 chó dữ
 chị cả
 chì đỏ

chó xù
 chữ số
 chả cá
 lá chè
 xe chỉ

- Bé tô cho rõ chữ và số.
- Bố chở mẹ và bé đi chợ.
- Bà đi chợ về có rổ cá to.
- Xa xa, có chú thỏ, chú bò, có cả chú chó xù.



Luyện tập:

1. Nối



chì đỏ



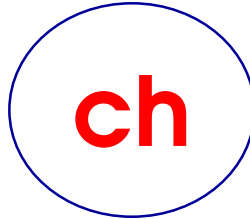
xe chỉ



chó xù



cha xù



lì xì

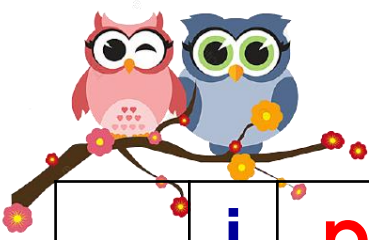
2. Đọc - nối

chị cả cho bé vẽ vẽ

cô cho bé bộ chữ số

bé có chó xù





Bài: ph (Ph)

ph	i	phi	phì	phí	phỉ		phị
	u	phu	phù	phú	phủ	phũ	phụ
	ư	phư					
	o	pho	phò	phó			
	ô	phô		phổ	phở		
	ơ	phơ	phờ	phớ	phở		
	e	phe	phè				
	ê	phê	phề	phế			phệ
	a	pha	phà	phá	phả		

cà phê
phì phò
đi phà

tổ phó
phở bò
phu xe

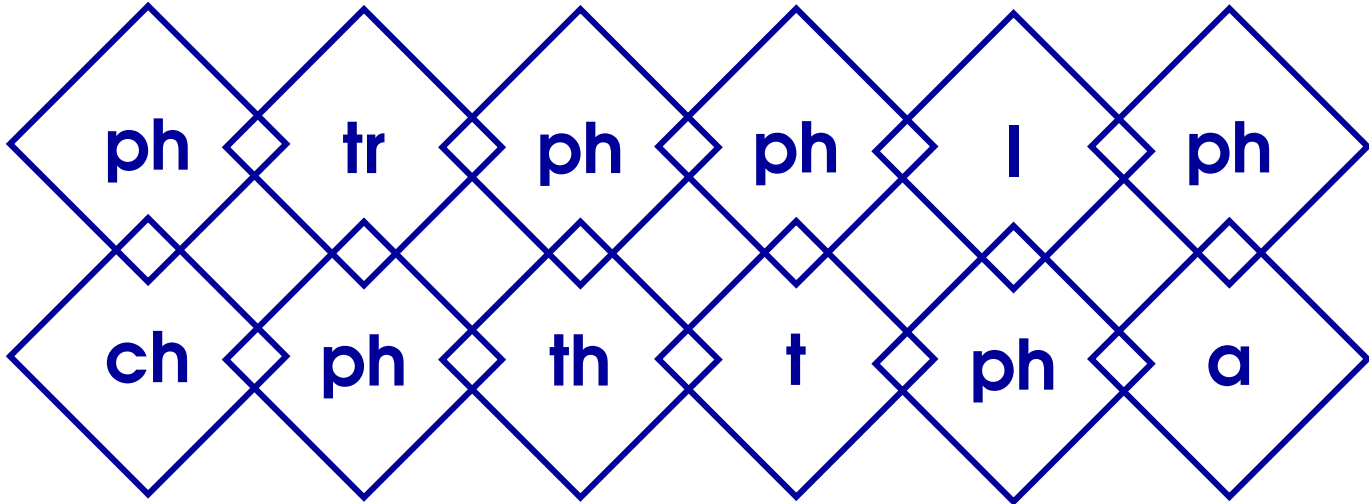
phổ xá
phổ cổ
phu thê

Bé Na đi **phà** để ra **phố**, bé cứ sợ.
Cô **Phú** giữ bé, bé chẳng sợ **phà**. Bé ra
phố có nhà to, nhà nhỏ. **Phố** có xe
mô tô, xe ô tô. Bé về bé kể cho bà: ở
phố có đủ thứ, bà ạ!



Luyện tập:

1. Tô màu ô có âm ph



2. Đọc - nối

bé là tổ phó



bố có cà phê

bà ở phố cổ



Bài: k (K)

k	i	ki	kì	kí	kỉ	kĩ	kị
	e	ke	kè	ké	kẻ	kẽ	kẹ
	ê	kê	kề	kế	kể	kễ	kệ

k chỉ ghép với âm **i, e, ê**.

Không ghép với các nguyên âm khác.

ki bo	ê ke	kì lạ	kể lễ
kì cọ	kẻ vớ	cũ kĩ	kẽ hờ
kê vớ	li kì	bó kê	đê kê
cù kì	bé kể	kệ gỗ	

Bé kể

Na **kề** má, Na **kể**: Bé Hà có vớ
vẽ, có ê **ke** mẹ ạ

Ở quê, bà có cá rô, có cá trê, có
cả cá quả to. Dì Hà có bò, có dê,
có cả **kì** đà to đó mẹ! Còn có quả
na, quả mơ, quả đu đủ cơ.



Luyện tập:

1. Nối



tắc kè



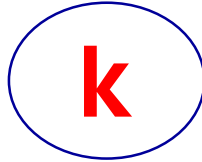
cái kéo



con kiến



cái kẹo



cái kèn

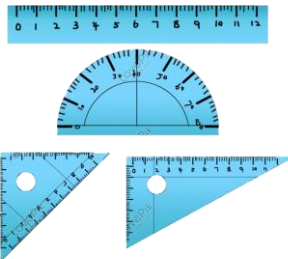


con rùa

2. Đọc - nối

kì cọ

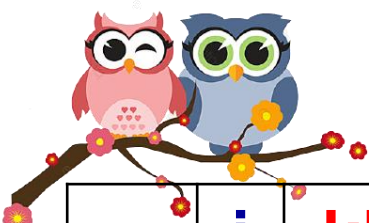
ê ke



kệ gỗ



bé kẻ vở



Bài: kh (Kh)

kh	i	khì	khì	khí	khỉ		
	u	khu	khù	khú			khụ
	ư	khư	khừ	khứ	khử		khự
	o	kho	khò	khó			
	ô	khô		khố	khổ		
	ơ	khơ	khờ				
	e	khe	khè			khẽ	
	ê	khê	khề	khế			khệ
	a	kha	khà	khá	khả		

khổ sở

khơ-me

chú khỉ

kho cá

khe khẽ

kha khá

cá khô

khò khè

khề khà

chè kho

rổ khế

tú lơ khơ

- Bé đi khe khẽ.

- Bà có rổ khế để kho cá thu.

- Bé khệ nệ bê bó cỏ về cho bò.

- Bi có vở vẽ, Bi vẽ chú khỉ.



Luyện tập:

1. Khoanh tròn vào âm kh

kh h kh o b kh
v th u r e k a n
ch s kh m h kh qu

2. Điền ch – kh vào chỗ chấm



quả.....ế



.....úỉ



.....uợ



.....èo



Bài: y (Y) và y/i

Từ	y tế y bạ ý tứ	y tá chú ý y tế xã	y sĩ ý đồ có ý
y/i	k ỹ sư / k ĩ sư l ý lẽ / l í lẽ l y trà / l i trà trà m y / trà m i h y / h i		
Câu	- Mẹ bé Hà là y tá, bố bé là y sĩ ở y tế xã. - Vô ý vô tứ. - Bé bị ho, bé i ỉ, bà bế bé ra y tế xã, cô y tá là dì Na, dì Na vô về dỗ bé.		



Luyện tập:

1. Nối



cô y tá



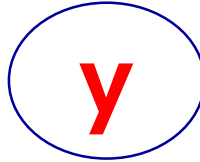
cái yếm



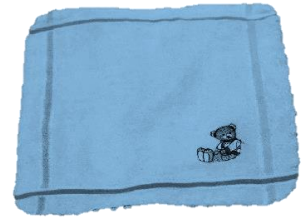
chim yến



y tế xã



ly trà

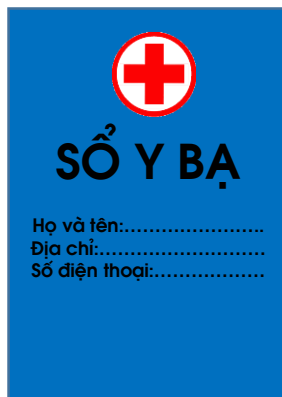


cái khăn

2. Đọc - nối

cố ý

y tế



cô y tá

sổ y bạ



Luyện tập:

1. Nối



con gà



củ tỏi



củ gừng



con gấu



quả gấc



tủ gỗ

2. Đọc - nối

gà gô

nhà ga



mẹ có gà ri



mẹ gõ cá



Bài: gh (Gh)

gh	i	ghi	ghì				
	e	ghe		ghé	ghẻ		ghẹ
	ê	ghê	ghề	ghế			ghệ

gh chỉ ghép với âm **i, e, ê**.

Không ghép với các nguyên âm khác.

ghi sổ

ghi vở

ghẹ to

ghi nhớ

ghê sợ

ghi nợ

ghế đá

ghe dò

ghế gỗ

gỗ **ghề**

kê **ghế**

ghé qua

- Cô cho bé vở **ghi**.

- Dì **ghé** qua nhà cho bé quà.

- Bà có **ghế** gỗ đã cũ kĩ. Ba Hà có **ghế** da. Bờ hồ có **ghế** đá. Bà bế bé Hà ở **ghế** đá.

- Bé kê **ghế** cho bà.



Luyện tập:

1. Khoanh tròn vào âm gh

gh th gh o b gh
v kh u r e k a n
gh s gh m ch gh qu

2. Điền g – gh vào chỗ chấm



.....à



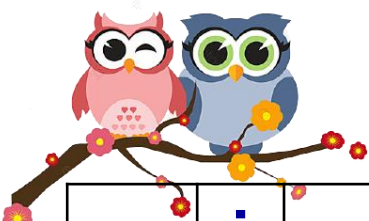
.....ẹ



.....ì vở



.....ếồ



Bài: gi (Gi)

gi	i	gi	gì		gỉ		
	u			giú		giũ	
	ư	giư	giữ			giữ	
	o	gio	giò	gió	giỏ		
	ô	giô				giồ	
	ơ	giơ	giờ				
	e	gie			giẻ	giẻ	
	ê	giê					
	a	gia	già	giá	giả	giã	

gia vị
giả da
giỏ cá
thì giờ

bà già
giã giò
giỗ tổ
giá đồng

giá cả
gió to
giẻ cũ
gia sư

Bé kể

Bà bế bé Lê. Bé bi bô: “Dì...giò...”.
Đó là bé kể: Dì Kế già giò.
Cổ có giò, có gà, có cả giá đồng.



Luyện tập:

1. Nối



giẻ lau



giỏ cá



giò



giá đỗ



cối xay gió



bồ kết

2. Đọc - nối

bà ủ giá đỗ

chú giã giò



ba giờ mẹ cho bé về nhà



Bài: ng (Ng)

ng	u	ngu			ngủ	ngũ	ngụ
	ư	ngư	ngừ			ngữ	ngự
	o	ngo	ngò	ngó	ngỏ	ngõ	ngọ
	ô	ngô		ngỗ	ngỗ	ngỗ	ngộ
	ơ	ngơ	ngờ	ngỡ		ngỡ	
	a	nga	ngà	ngá	ngả	ngã	

bé **ngã**

ngồi **ngộ**

bổ **ngõ**

cá **ngừ**

ngu **ngơ**

ngã ba

bé **ngủ**

ngõ nhỏ

bí **ngô**

lá **ngỗ**

từ **ngữ**

ngã tư

- Mẹ ru bé **ngủ**.

- Khi đi qua **ngõ** nhỏ, bé bị **ngã**.

- Cô **Nga** cho bé Kha đi ra phố. ở phố có sở thú, nhà ga.



Luyện tập:

1. Nối



bí ngô



cá ngừ



lá ngổ



bé ngã



con tôm



bắp ngô

2. Đọc - nối

bé ghi từ ngữ

mẹ ru bé ngủ



khi đi qua ngô nhỏ bé bị ngã



Bài: ngh (Ngh)

ngh	i	nghi	ngì		ngỉ	ngĩ	ngị
	e	nghe	ngề	nghé			
	ê	ngê	ngề				ngệ

ngh chỉ ghép với âm **i, e, ê**.

Không ghép với các nguyên âm khác.

củ **ngê**
ngi ngò
đề **ngị**

ngé ọ
ngĩ kỹ
ngỉ hè

ý **ngĩ**
ngê sĩ
ngé tơ

- Có cô **ngê** sĩ ở xa về. Bé ra ngó: A! Cô Nga!
Cô Nga là ca sĩ. Cô Nga bế bé, bé bế ngỗ, e
dè.

- **Ngỉ** hè, Bi ở nhà bà. Nhà bà có gà, có
ngé. Ổ gà be bé. Gà có ngô. Nhà **ngé** nho
nhỏ. **Ngé** có cỏ, có mía.

- Bà đi chợ về có giỏ cá, lá ngổ, củ sả, Củ
ngê và có cả giò chả.



Luyện tập:

1. Khoanh tròn tiếng có âm ngh



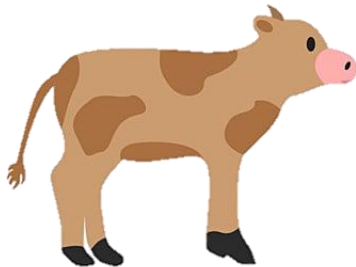
củ **ng**hệ



nha sĩ



nghệ sĩ



nghệ tơ



nhà **ng**hĩ



nghĩ

2. Điền ng – ngh vào chỗ chấm



.....**é**



.....**ô**